

Hà Nội, ngày 9/7/2020

BẢN TIN TUẦN

DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC PHỤC VỤ VẬN HÀNH CÔNG TRÌNH THỦY LỢI CẤP NƯỚC  
CHO SẢN XUẤT VỤ MÙA NĂM 2020

Lưu vực sông Bằng Giang- Kỳ Cùng

Tuần từ: 10/7/2020

đến: 16/7/2020

I. TÌNH HÌNH NGUỒN NƯỚC

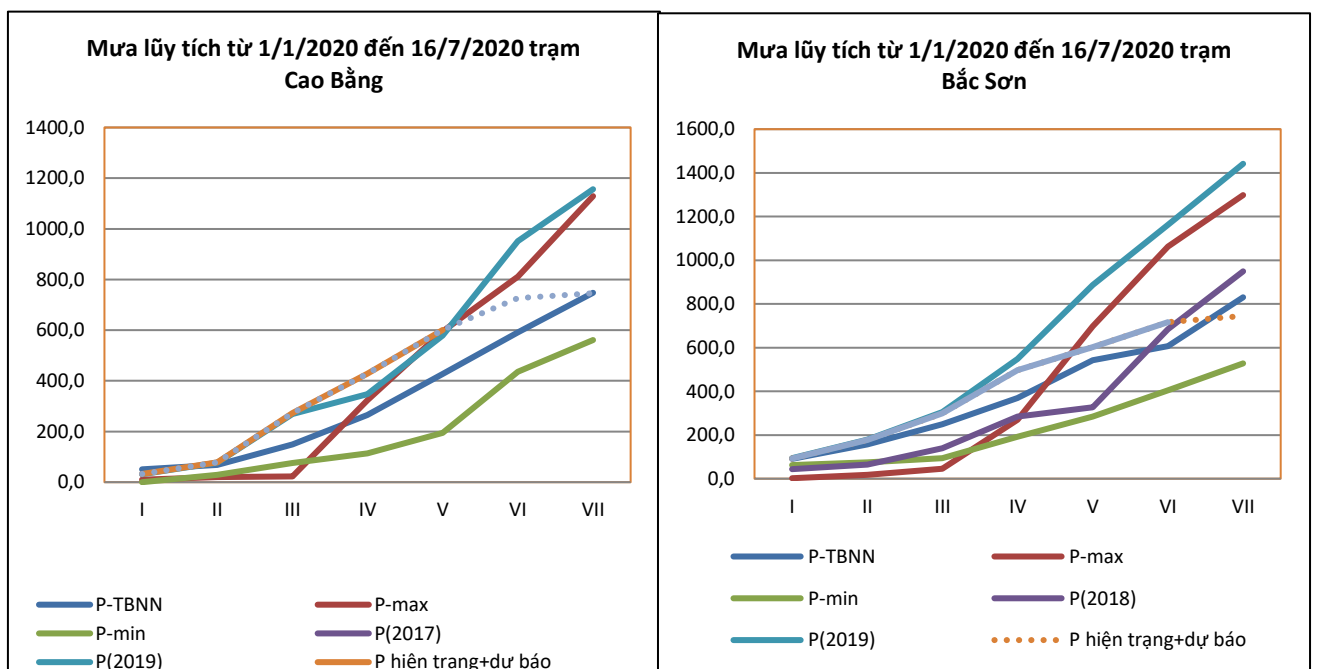
1. Lượng mưa

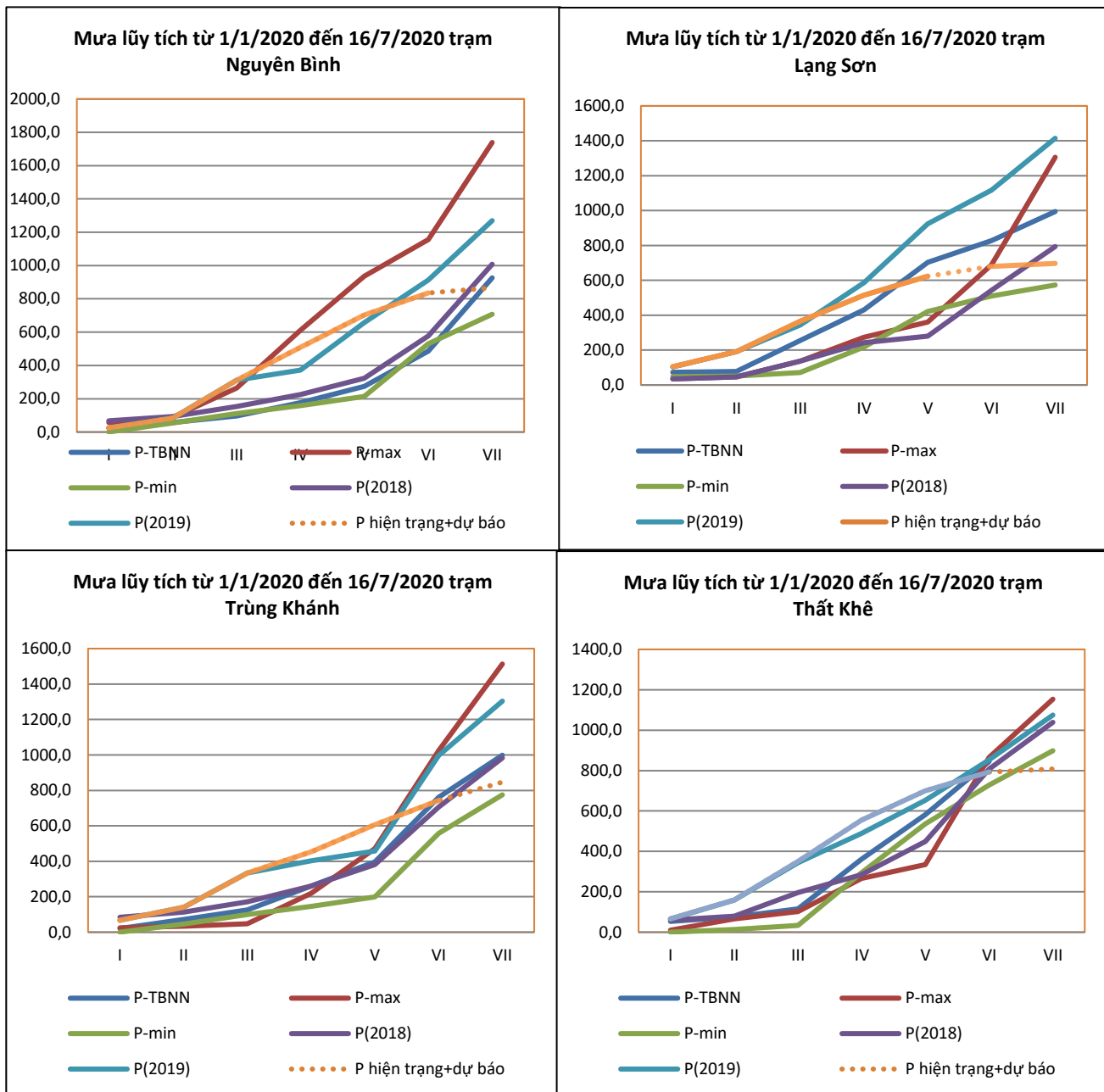
TT	Trạm	Lượng mưa trong tuần (mm)	Lượng mưa lũy tích từ đầu năm (mm)	So sánh lượng mưa lũy tích với cùng kỳ (+/-%)			Dự báo tình hình mưa tuần tới
				TBNN	Năm 2019	Năm 2018	
<b>A</b>	<b>Cao Bằng</b>			<b>14%</b>	<b>-24%</b>	<b>3%</b>	
1	Cao Bằng	8	740	15%	-32%	-11%	9
2	Nguyên Bình	25	764	5%	-27%	27%	6
3	Trùng Khánh	76	912	23%	-13%	-6%	11
<b>B</b>	<b>Lạng Sơn</b>			<b>22%</b>	<b>-3%</b>	<b>7%</b>	
4	Bắc Sơn	10	734	6%	-36%	9%	18
5	Đình Lập	44	626	8%	17%	21%	116
6	Hữu Lũng	33	714	54%	33%	-43%	48
7	Lạng Sơn	10	690	20%	-14%	32%	7
8	Thất Khê	11	808	24%	-17%	14%	3
	<b>Trung bình</b>						

Nhận xét:

Theo số liệu mưa thực đo từ 1/1/2020 đến 7 giờ ngày 8/7/2020 cho thấy:

- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Lạng Sơn thấp hơn 3% so cùng kỳ năm 2019 và cao hơn 20% với trung bình nhiều năm
- Lượng mưa lũy tích tại khu vực Cao Bằng thấp hơn 20% so với cùng kỳ năm 2019 và cao hơn 14% với trung bình nhiều năm





## 2. Nguồn nước trong các công trình thủy lợi, thủy điện

Hiện trạng nguồn nước trừ các hồ chứa thủy lợi

TT	Hồ chứa	Dung tích trữ thiết kế (triệu m <sup>3</sup> )	W trữ hiện tại so với W <sub>tk</sub> (%)	Dự kiến W trữ cuối tuần (%)	So sánh với cùng kỳ (+/-%)				Đánh giá
					TBNN	2019	2018	2017	
1	Khuổi lái	2,46	80,55	80,80	-19,44	0,96	36,38	Giảm	
2	Nà Tấu	1,79	74,33	72,78	-32,97	-18,53	54,86	Giảm	
3	Bản Nưa	0,81	18,73	26,93	-60,74	-54,41	-42,63	Giảm	
4	Bản Viêt	3,08	27,09	28,93	-72,91	-26,57	-43,38	Giảm	
5	Nà Cáy	4,31	99,97	100,00	-0,04	10,51	31,98	Giảm	
6	Tà Keo	12,88	50,60	48,23	-29,52	-33,40	20,94	Giảm	
7	Thâm Luông	0,97	62,39	53,57	-5,55	3,70	-31,93	Giảm	
8	Nà Tâm	1,91	48,02	43,92	-9,56	28,00	32,31	Giảm	
9	Nà Chào	2,26	60,82	55,30	11,50	21,54	21,54	Tăng	
10	Phai Danh	2,13	64,32	60,86	-28,39	13,74	5,93	Giảm	
11	Nà Pàn	0,82	11,09	2,95	6,21	-38,10	-16,92	Tăng	
12	Bản Chành	2,02	93,21	92,68	-6,79	26,40	43,37	Giảm	
13	Bản Chang	1,61	35,68	35,20	-34,95	-13,53		Giảm	
	<b>Trung bình</b>	<b>37,04</b>	<b>55,91</b>	<b>54,01</b>	<b>-21,78</b>	<b>-6,13</b>	<b>9,37</b>		

**Nhận xét:**

Hiện tại, hầu hết các hồ chứa tính toán trong lưu vực đều tích trên 50,6% so với dung tích thiết kế, trừ hồ Bản Nưa 18,73%, Bản Viết tích 27,09%, Nà Tâm 48,02%, Nà Pàn 11,09%, Bản Chang 35,68% so với dung tích thiết kế.

- Tổng dung tích 13 hồ là: 37,04 triệu m<sup>3</sup>
- Lượng trữ của 13 hồ so với dung tích thiết kế chiếm: 55,91 %
- Dự báo xu thế nguồn nước tuần tới hầu hết các hồ đều giảm so với năm 2019, hồ Nà Chèo và Nà Pàn tăng so với năm 2019. Một số hồ hiện tại tích ít nước do đang bị rò rỉ nước.

**II. KHẢ NĂNG CẤP NƯỚC CỦA CÔNG TRÌNH THỦY LỢI, TÌNH HÌNH HẠN HÁN VÀ KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG NƯỚC****1. Nhu cầu nước**

Thông tin khái quát về nhu cầu nước, nguồn nước trong giai đoạn dự báo:

Tổng nhu cầu nước của 14 công trình là: 2,695 x 10<sup>6</sup>m<sup>3</sup>

Nguồn nước trữ hồ chứa ở nội tại hầu hết các hồ chứa tính toán trong lưu vực đều tích trên 50,6% so với dung tích thiết kế, trừ hồ Bản Nưa, Bản Viết, Nà Tâm, Nà Pàn và Bản Chang.

Hiện tại, nguồn nước đảm bảo lấy nước tuần tới Vụ Mùa.

**Nhu cầu nước của các hồ chứa thủy lợi**Đơn vị: 10<sup>6</sup> m<sup>3</sup>

TT	Tên công trình	10/7/2020	11/7/2020	12/7/2020	13/7/2020	14/7/2020	15/7/2020	16/7/2020	Tổng
1	Khuổi Lái	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,275
2	Nà Tấu	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,293
3	Bản Nưa	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,00	0,000
4	Bản Viết	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,195
5	Nà Cáy	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,087
6	Tà Keo	0,09	0,09	0,09	0,10	0,10	0,10	0,10	0,686
7	Thâm Luông	0,03	0,03	0,02	0,02	0,02	0,01	0,01	0,125
8	Nà Tâm	0,01	0,01	0,01	0,02	0,02	0,02	0,02	0,105
9	Nà Chèo	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,03	0,226
10	Phai Danh	0,02	0,02	0,02	0,01	0,01	0,01	0,01	0,100
11	Nà Pàn	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,127
12	Bản Chành	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,02	0,117
13	Bản Chang	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,01	0,081
14	HTTL Hồng Đại	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,04	0,278
	<b>Tổng</b>	<b>0,37</b>	<b>0,37</b>	<b>0,38</b>	<b>0,40</b>	<b>0,40</b>	<b>0,39</b>	<b>0,39</b>	<b>2,695</b>

Thông tin bảng biểu kết quả tính toán cân bằng nước và các khuyến cáo cho từng công trình như sau:

**2. Khả năng cấp nước của các công trình**

TT	Tên công trình	Dung tích trữ hiện tại so với thiết kế (%)	Nhiệm vụ sản xuất (ha)	Dự báo vụ Mùa 2020			Ghi chú
				Dung tích cuối tuần so với TK (%)	Khả năng đáp ứng (%)	Diện tích đáp ứng (ha)	
1	Khuổi lái	80,55	221	80,80	100,0	221	Đủ nước
2	Nà Tấu	74,33	220	72,78	100,0	220	Đủ nước
3	Bản Nưa	18,73	114	26,93	100,0	114	Đủ nước
4	Bản Viết	27,09	203	28,93	100,0	203	Đủ nước
5	Nà Cáy	99,97	67	100,00	100,0	67	Đủ nước
6	Tà Keo	50,60	533	48,23	100,0	533	Đủ nước
7	Thâm Luông	62,39	127	53,57	100,0	127	Đủ nước
8	Nà Tâm	48,02	94	43,92	100,0	94	Đủ nước
9	Nà Chèo	60,82	172	55,30	100,0	172	Đủ nước
10	Phai Danh	64,32	102	60,86	100,0	102	Đủ nước
11	Nà Pàn	11,09	97	2,95	100,0	97	Đủ nước
12	Bản Chành	93,21	101	92,68	100,0	101	Đủ nước
13	Bản Chang	35,68	120	35,20	100,0	120	Đủ nước
14	HTTL Hồng Đại		280		100,0	280	Đủ nước

**Nhận xét:**

- Các công trình hồ chứa đều đảm bảo đủ nước cho tuần tới
- Không có hạn

### 3. Mức độ rủi ro hạn ở các vùng ngoài công trình thủy lợi

TT	Trạm	Vùng	Mưa hiện trạng và dự báo (mm)	So với mưa cùng thời đoạn (%)			Khuyến cáo
				Năm Min	TBNN	Năm Max	
<b>A</b>	<b>Cao Bằng</b>			<b>102%</b>	<b>4%</b>	<b>-37%</b>	
1		Cao Bằng	749	79%	8%	-32%	
2		Nguyên Bình	770	98%	-6%	-42%	
3		Trùng Khánh	923	127%	10%	-37%	
<b>B</b>	<b>Lạng Sơn</b>			<b>157%</b>	<b>14%</b>	<b>-33%</b>	
4		Bắc Sơn	752	170%	0%	-34%	
5		Đình Lập	742	134%	15%	-30%	
6		Hữu Lũng	762	179%	32%	-20%	
7		Lạng Sơn	697	130%	11%	-53%	
8		Thất Khê	811	169%	13%	-29%	

#### Nhận xét và khuyến cáo:

- Dự báo lượng mưa trên toàn vùng Cao Bằng, Lạng Sơn từ tháng 8/7 đến 16/7/2020 thiếu hụt -300% so với tổng lượng mưa cùng kỳ trung bình nhiều năm.
- Tổng lượng mưa lũy tích trên toàn vùng đạt 100% so với tổng lượng mưa trung bình nhiều năm

### 4. Tổng hợp thông tin hạn hán (nếu có)

TT	Huyện	Diện tích gieo trồng (ha)			Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng do thiếu nước (ha)	Diện tích không canh tác do thiếu nước (ha)	Diện tích cây trồng bị ảnh hưởng, hạn hán, xâm nhập mặn (ha)		
		Tổng cộng	Lúa Mùa	Cây trồng khác			Lúc cao nhất	Hiện tại	Dự báo xu thế (tăng/giảm)
1	TP. Cao Bằng	1.122	891	231					
2	H. Thông Nông	2.561	1.371	1.190					
3	H. Hà Quảng	2.228	1.138	1.090					
4	H. Trà Lĩnh	2.320	1.650	670					
5	H. Trùng Khánh	5.488	4.367	1.121					
6	H. Hạ Lang	2.138	1.570	568					
7	H. Quảng Uyên	3.475	2.055	1.420					
8	H. Phục Hòa	1.226	872	354					
9	H. Hòa An	4.285	3.600	685					
10	H. Thạch An	2.165	1.650	515					
11	H. Nguyên Bình (16/20)	2.242	1.876	366					
12	TP. Lạng Sơn	339	264	75					
13	H. Tràng Định	3.475	2.690	785					
14	H. Văn Lãng	2.113	1.962	151					
15	H. Bình Gia	2.456	2.112	344					
16	H. Bắc Sơn (4/20)	632	495	137					
17	H. Văn Quan	2.625	2.365	260					
18	H. Cao Lộc	2.515	2.138	377					
19	H. Lộc Bình (26/29)	3.739	3.428	311					
20	H. Chi Lăng (4/21)	688	578	110					
21	H. Đình Lập (5/12)	443	342	101					
22	H. Na Rì	1.351	1.277	74					
23	H. Chợ Mới (2/16)	156	134	21					
24	H. Ngân Sơn (3/11)	401	371	30					
	<b>Cộng</b>	<b>50.183</b>	<b>39.196</b>	<b>10.986</b>					

### III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Bản tin tiếp theo sẽ phát hành vào ngày:

17/7/2020

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI